

THƯ MỜI

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

- Căn cứ nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 2 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI về việc triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính mời Quý vị Cổ đông về tham dự Đại hội đồng cổ đông như sau:

*** Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội:**

+ Thời gian: **Từ 07h30" đến 11h30" ngày 10 tháng 4 năm 2020**

+ Địa điểm: Trụ sở Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI - Xóm Cây Bòng, xã La Tiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

*** Thành phần tham dự:**

- Các thành viên HĐQT và BKS Công ty.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 20/3/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Trường hợp cổ đông không thể tham dự có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu của Công ty.

*** Nội dung Đại hội:**

- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 và hoạt động năm 2020;

- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2019 và hoạt động năm 2020;

- Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán;

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;



- Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2019, kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020;
- Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;
- Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;
- Thông qua hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ SXKD năm 2020.
- Các vấn đề quan trọng khác liên quan đến thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

* **Tài liệu Đại hội:** Được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn) và được phát tại Đại hội.

* **Đăng ký, tiếp nhận thông tin và các vấn đề khác:**

- Cổ đông tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đề nghị đăng ký theo **Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên** (theo mẫu đính kèm).

- Để công tác chuẩn bị Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận về việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền gửi qua đường bưu điện hoặc fax, Email cho Công ty **trước 15 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 4 năm 2020.**

Điện thoại: 02083 829154 - 02083 829156; Fax: 02083 829056

Email: trunghop.khvt@gmail.com - Di động Mr Hợp: 0912.162143

- Cổ đông đến tham dự xin mang theo CMND/căn cước hoặc hộ chiếu và giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền).

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- UBCKNN (B/c);
- SGDCK HN (B/c);
- Các cổ đông;
- Lưu Thư ký, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
Chủ tịch



Đỗ Huy Hùng

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020



GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ / ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Họ và tên:
Số CMND/CCCD số: cấp ngày: tại:
Là cổ đông (hoặc đại diện pháp nhân của cổ đông):

Địa chỉ:
Số cổ phần sở hữu: CP, bằng chữ :
Căn cứ vào Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI.

Tôi xin xác nhận việc tham dự như sau:

1. Trực tiếp tham dự:

☐

2. Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:

☐

Họ và tên:
Số CMND: cấp ngày: Tại:
Chức vụ:

3. Hoặc ủy quyền cho:

+ Ông: Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	☐
+ Ông: Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	☐
+ Bà: Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	☐
+ Ông: Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT	☐
+ Ông: Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	☐

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên và được quyền biểu quyết đối với các vấn đề thuộc nội dung của Đại hội.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi công việc được hoàn tất.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI THAM DỰ/ ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý: - Cổ đông điền đầy đủ họ tên, số CMND, nơi cấp và ngày cấp của người được ủy quyền.
- Cổ đông trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác hoặc thành viên HĐQT của Công ty CP xi măng La Tiên, thì đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVM**



**TÀI LIỆU ĐẠI HỘI
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2020

DANH MỤC TÀI LIỆU GỬI CỔ ĐÔNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Stt	Nội dung	Số tờ trình/ báo cáo	Ngày, tháng
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020		
2	Quy chế tổ chức đại hội thường niên năm 2020	Số 01/QC-ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
3	Báo cáo của Giám đốc về kết quả SXKD năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020	Số 02/BC-ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
4	Báo cáo hoạt động của HĐQT công ty năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020	Số 03/BC-ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
5	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2019, phương hướng năm 2020	Số 04/BC-ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
6	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán	Số 01/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
7	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019	Số 02/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
8	Tờ trình quyết toán chi trả phụ cấp HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020	Số 03/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
9	Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và ĐTXD năm 2020	Số 04/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
10	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2020	Số 05/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
11	Tờ trình tăng vốn điều lệ Công ty CP Xi măng La Hiên VVMI	Số 06/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
12	Tờ trình sửa đổi điều lệ Công ty CP Xi măng La Hiên VVMI	Số 07/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
13	Tờ trình thông qua HĐ mua bán hàng hóa với người có liên quan	Số 08/TTr.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020
14	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019	Số 05/NQ.ĐHĐCĐ.2020	10/4/2020

Dự thảo

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	NGƯỜI THỰC HIỆN
7h30-8h00	- Đón tiếp đại biểu, làm thủ tục xác nhận cổ đông	- Ban lễ tân - Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h00-8h10	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	- Ban tổ chức
8h10-8h15	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông	- Ban kiểm tra tư cách cổ đông
8h15-8h25	- Công bố chương trình Đại hội - Giới thiệu đoàn Chủ tịch.	- Ban tổ chức
8h25-9h15	- Khai mạc Đại hội; Chủ tịch đoàn chỉ định thư ký Đại hội; - Thông qua chương trình đại hội; Quy chế Đại hội; - Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 kế hoạch SXKD nhiệm năm 2020.	- Đoàn chủ tịch
9h15-9h35	- Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT Công ty năm 2019 kế hoạch SXKD nhiệm năm 2020.	- Đoàn chủ tịch
9h35-9h55	- Báo cáo của BKS về hoạt động của Công ty năm 2019 kế hoạch SXKD năm 2020.	- Ban kiểm soát
9h55-10h05	Đại hội nghỉ giải lao.	
10h05-10h35	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019; - Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019; - Tờ trình thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020.	- TV HĐQT
	- Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.	- Ban kiểm soát
	- Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2020 - Tờ trình phương án tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI; - Tờ trình thông qua các hợp đồng mua, bán với người có liên quan của Công ty.	- TV HĐQT
10h35-11h05	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các tờ trình	- Đoàn chủ tịch
11h05-11h20	- Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	- Thư ký đại hội
11h20-11h30	- Bế mạc Đại hội.	- Đoàn chủ tịch

BAN TỔ CHỨC

Số:...../QC-ĐHĐCĐ.2020

Thái Nguyên, ngàytháng 4 năm 2020

Dự thảo



QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 2 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI về việc triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định thể thức tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI và quyền, nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội;

2. Các cổ đông của Công ty và các đối tượng tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 2. Quyền của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của đại hội;

2. Được ban tổ chức đại hội gửi giấy mời họp kèm theo dự thảo quy chế đại hội, chương trình đại hội để nghiên cứu và góp ý trước bằng văn bản cho Ban tổ chức đại hội để tổng hợp, hoặc để thảo luận trực tiếp tại đại hội;

3. Được phát thẻ biểu quyết với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện (ví dụ thẻ biểu quyết của đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết);

4. Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội, nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (*hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng*).

Điều 3. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự đại hội

1. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
2. Tôn trọng quyền điều hành của chủ tọa đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
3. Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự đại hội;
4. Mang theo giấy mời họp kèm theo giấy ủy quyền (*trong trường hợp được ủy quyền*) và giấy tờ tùy thân (*chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu*), trình cho ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức đại hội thành lập, có trách nhiệm:
 - Lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và niêm yết tại nơi diễn ra đại hội;
 - Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy ủy quyền tham dự đại hội;
 - Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không;
 - Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và thông qua trước đại hội;
 - Phát thẻ biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường nơi tổ chức đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu để đại hội bầu trong số những đại biểu tham dự đại hội. Những người tham gia ban kiểm phiếu không đồng thời là thư ký đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thẻ lệ biểu quyết, phát phiếu biểu quyết, thu phiếu biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội, sau đó nộp biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa đại hội.
3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu có nghĩa vụ tuyệt đối trung thực, cẩn trọng khi thực hiện nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc của mình.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký đại hội

1. Chủ tọa đại hội:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tọa đại hội.
 - Chủ tọa đại hội có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Điều khiển đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự;

b. Quyết định các vấn đề trình tự, thủ tục của Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của đại hội;

c. Có quyền trì hoãn đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một giờ điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội, nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của đại hội.

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Thư ký đại hội do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội thông qua. Thư ký có nhiệm vụ giúp việc cho Chủ tọa điều hành đại hội, ghi chép và đọc biên bản, nghị quyết đại hội.

Chương II

TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành đại hội

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông được mời họp khi quyết định triệu tập đại hội (theo quy định tại Điều 141 Luật doanh nghiệp 2014).

Điều 7. Trình tự tiến hành đại hội

1. Đại hội diễn ra theo trình tự và bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Thông qua Đoàn chủ tịch; Thư ký; Ban kiểm phiếu;
- Thông qua chương trình Đại hội (gửi trước cho các cổ đông);
- Biểu quyết thông qua các nội dung đã được Đoàn chủ tịch trình bày;
- Thông qua biên bản Đại hội;
- Thông qua Nghị quyết Đại hội.

2. Điều kiện thông qua các nội dung trong chương trình đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình đại hội đều thực hiện theo hình thức giơ phiếu biểu quyết.

3. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ **65%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

4. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này) được thông qua khi có từ **51%** tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Xử lý trường hợp tổ chức đại hội đồng cổ đông không thành

1. Trường hợp trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp mà không có đủ số lượng đại biểu cổ đông cần thiết quy định tại Điều 6 Quy chế này thì đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không thành.

2. Trong đại hội đồng cổ đông thành lập triệu tập lại (đại hội lần thứ 2) cần có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Trường hợp đại hội lần thứ 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp thì phải triệu tập đại hội lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ 2.

3. Trong đại hội lần thứ 3 bất kỳ số lượng cổ đông tham dự như thế nào cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVML./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty, (Website);
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu thư ký, VP.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Huy Hùng

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020

DƯ THẢO

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số: 08/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 05/04/2019, quyết định của HĐQT Công ty số 013/QĐ-HĐQT, ngày 05/04/2019 về việc giao kế hoạch SXKD năm 2019. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI Báo cáo về kết quả SXKD năm 2019 và nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019

I/ Đặc điểm tình hình

1- Thuận lợi

Năm 2019 khép lại đã đánh dấu mốc son của chặng đường 25 năm hình thành và phát triển (1995-2020) của (Nhà máy xi măng La Hiên) tiền thân của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ngày nay.

Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2019.

2- Khó khăn

- Năm 2019 thị trường tiêu thụ xi măng nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm của xi măng La Hiên đang cạnh tranh quyết liệt với nhiều các thương hiệu xi măng khác như xi măng Quang Sơn, Long Sơn, Thành Thắng, Xuân Thành, Visai, Pomihoa ...vv tại các thị trường chính như Thái Nguyên, Bắc cạn, Cao Bằng. Do vậy, thị phần tiêu thụ sản phẩm xi măng La Hiên đã và đang bị lấn át mạnh bởi các thương hiệu xi măng nói trên làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

- Hệ thống thiết bị 02 dây chuyền sản xuất nằm trong tình trạng lạc hậu, năng suất thấp như hệ thống ghi lạnh, máy nghiền xi măng, máy đóng bao, hệ thống đo đếm tín hiệu điều khiển, cân băng định lượng... cần có sự cải tiến để tăng năng suất thiết bị và chất lượng sản phẩm.

II/ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2019

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	% TH 2019 2018	% TH KH
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	771.715,03	720.000	743.515,39	96,35	103,26
1	Xi măng	"	763.349,52	695.000	712.363,67	93,32	102,50
2	Clinker thương phẩm	"	8.365,51	25.000	31.151,72	372,38	124,61
II	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	806.636,89	720.000	743.515,39	92,17	103,26
-	Xi măng	"	774.897,40	695.000	712.363,67	91,93	102,50
-	Clinker thương phẩm	"	31.739,49	25.000	31.151,72	98,15	124,61
B	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	723.539,89	632.995,78	695.201,98	96,08	109,83
-	Xi măng	"	695.338,39	617.020,70	666.791,08	95,89	108,07
-	Clinker thương phẩm	"	19.212,98	15.975,08	20.575,53	107,09	128,80
-	Doanh thu, thu nhập khác	"	8.988,52		7.835,36	87,17	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	39.132,13	35.000	47.971,63	122,59	137,06
D	Cổ tức (dự kiến) (i)	%/VĐL	17	12	40	235,29	333,33
G	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	24.128,22	32.184	42.438,95	175,89	131,86
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Người	616	600	599	97,24	99,83
2	Tiền lương bình quân	đ/n/th	10.640.408	9.916.667	11.083.162	104,16	111,76

(i) Cổ tức năm 2019 dự kiến chi trả 40%/VĐL, trong đó cổ tức chi trả bằng tiền là 20%, trả cổ phiếu để tăng vốn điều lệ là 20%.

III/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp, với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch.

Trong bối cảnh trên Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã khắc phục khó khăn, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 743.515,4 tấn/KH 720.000 tấn = 103,26% kế hoạch giao, doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 695.201,98 trđ/KH 632.995,78 trđ = 109,83% kế hoạch giao. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 47.971,63/KH 35.000 tr đồng = 137,06% kế hoạch giao, sản xuất đảm bảo an toàn.

Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, sản xuất được duy trì ổn định thế và lực của chúng ta ngày càng lớn mạnh; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo tốt.

1- Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2019 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết để vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy hoàn thành tốt công việc được. và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

**** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:***

Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2019 là Công ty đã tăng được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2019.

Lãnh đạo Công ty rất sát sao trong công tác chỉ đạo, bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thu hồi công nợ.

**** Công tác kỹ thuật công nghệ và cơ điện và điều hành sản xuất:***

Công tác kiểm tra sản phẩm trong dây chuyền được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo số liệu có độ chính xác tin cậy cung cấp cho các bộ phận liên quan góp phần phát hiện, xử lý và có biện pháp

khắc phục - phòng ngừa sản phẩm không phù hợp. Sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển. Cân đối sản lượng tồn kho, kiểm soát chặt chẽ thiết bị phải dừng hoạt động vào giờ cao điểm và chủ yếu hoạt động vào giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, giảm giá thành sản phẩm.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết nguyên đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Tổ chức kiểm tra giám sát công tác quản lý chăm sóc thiết bị của các đơn vị phân xưởng sản xuất, phát hiện các dấu hiệu hư hỏng máy móc thiết bị trong dây chuyền, phối hợp cùng các đơn vị đưa ra phương án xử lý sửa chữa nhằm đảm bảo cho thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định về chất lượng, năng suất và tăng thời gian huy động, giảm sự cố thiết bị đột xuất không mong muốn trong năm 2019.

**** Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật:***

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa trong sản xuất là vấn đề luôn được quan tâm. Năm 2019 các tập thể và các cá nhân người lao động đã có 25 sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết thực có giá trị và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng và cải thiện môi trường làm việc trong Công ty.

Công ty luôn bám sát các chỉ tiêu, giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tổng Công ty để chỉ đạo điều hành, thực hiện chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2019 với các nhóm giải pháp tích cực. Thành lập ban chỉ đạo, ban hành chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí năm 2019 kèm theo các nhóm giải pháp điều hành, và nghiệm thu kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể.

**** Công tác khoán quản trị chi phí SXKD:***

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với

nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- Công tác vật tư: Tích cực tìm nguồn hàng vật tư nguyên vật liệu sản xuất trong nước đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh để phục vụ sản xuất. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh. Công tác quản lý kho tàng, xuất nhập vật tư an toàn đúng pháp luật. Thực hiện quyết toán vật tư theo quy định, theo dõi việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư và tham gia xây dựng định mức tiêu hao vật tư ở các phòng ban phân xưởng trong Công ty. Trong năm tổ chức sắp xếp quản lý kho vật tư hợp lý, an toàn khoa học. Số dư hàng tồn kho vật liệu cuối kỳ đạt hệ số tồn kho <4% theo quy định của Tập đoàn TKV và Tổng công ty.

- Công tác đầu tư xây dựng: Thực hiện các dự án theo kế hoạch giao trên cơ sở nghiên cứu thực hiện trước các dự án đầu tư phát triển phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án, tổ chức đấu thầu thực hiện đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

**** Công tác quản lý kế toán, tài chính:***

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch giao.

Trong năm đã xây dựng lại Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý công nợ, quy chế huy động vốn ...cho phù hợp, đảm bảo cho công tác quản lý của Công ty ngày càng tốt hơn. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty luôn được bảo toàn và tăng trưởng tốt, các hệ số tài chính được cải thiện rõ rệt.

**** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:***

Phòng Tổ chức hành chính đã tích cực tham mưu cho Giám đốc phương án Tái cơ cấu lao động, trong năm 2019 đã giảm được 24 lao động. Tập trung lao động cho mục tiêu chính, cốt lõi của Công ty; Tinh giản lao động không làm giảm chất lượng lao động; Tái cơ cấu lực lượng lao động đi đôi với tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, TN, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Quản lý chặt chẽ quy trình vận hành, chủ động trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị và dự báo vật tư dự phòng thay thế. Tình trạng kỹ thuật thiết bị luôn được theo dõi chặt chẽ, các dấu hiệu sự cố được chủ động phát hiện và xử lý kịp thời duy trì thiết bị hoạt động ổn định. Công nhân vận hành có ý thức trách nhiệm cao, tự giác trong công tác chăm sóc bảo dưỡng thiết bị, trình độ vận hành thiết bị ngày càng được nâng cao.

*** Công tác an toàn bảo hộ lao động:**

Công tác ATBHLĐ năm 2019 luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của Công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2- Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng việt nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định .

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng và trước kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% Tăng,
-----	----------	------------	------------	---------

				giảm
I	Tài sản ngắn hạn	46.396.903.625	47.246.583.600	1,83%
II	Tài sản dài hạn	301.181.636.256	262.018.533.651	-13,00%
	Tổng cộng	347.578.539.881	309.265.117.251	-11,02%

Trong năm Công ty đã phát huy tối đa việc sử dụng tài sản và tiền vốn nhằm đạt được những lợi ích cao nhất. Tính đến thời điểm 31/12/2019 giá trị tổng tài sản của Công ty giảm 11,02% so với thời điểm 31/12/2018 chủ yếu do giảm các khoản phải thu, hàng tồn kho và trích khấu hao TSCĐ để thu hồi vốn.

*** Tình hình công nợ phải thu:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% Tăng, giảm
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	29.654.547.271	17.267.060.621	-41,77%
2	Trả trước cho người bán	711.304.071	132.077.659	-81,43%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.093.126.548	842.311.741	-22,94%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-1.265.953.027	-1.201.945.881	-5,06%
	Tổng cộng	30.193.024.863	17.039.504.140	-43,56%

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép. Trong năm 2019 Công ty rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, nợ phải thu đã giảm 41,77% so với cùng kỳ năm trước. Trả trước cho người bán do Công ty thực hiện chính sách thanh toán trước tiền mua than, một số công nợ xấu cũng đã được thu hồi. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm do thu hồi được công nợ của một số khách hàng đang trích lập dự phòng.

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	39,04	43,48
2	Vòng quay khoản phải thu	"	14,43	15,12
3	Vòng quay vốn lưu động	"	10,54	11,27
4	Vòng quay tài sản dài hạn	"	2,39	2,63
5	Tỷ suất lợi nhuận / Tổng TS (ROA)	%	8,97	12,38
8	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn CSH (ROE)	%	19,05	21,91

Nhìn chung tài sản của Công ty được sử dụng tốt, các chỉ tiêu sử dụng tài sản đều được nâng cao hơn so với năm trước cho thấy Công ty đã rất tích cực trong việc quản lý và sử dụng tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2. Tình hình nợ phải trả

*** Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	153.583.822.998	128.620.126.698	-16,25%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	35.659.631.184	30.406.530.906	-14,73%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	531.542.166	1.666.566.876	213,53%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.830.329.659	15.032.007.156	-15,69%
4	Phải trả người lao động	24.609.002.699	31.616.036.795	28,47%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.112.161.380	3.177.148.262	-22,74%
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.987.609.718	3.397.045.560	70,91%
+	<i>Tiền cổ tức phải trả</i>	<i>273.412.313</i>	<i>770.886.750</i>	<i>181,95%</i>
+	<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.714.197.405</i>	<i>2.626.158.810</i>	<i>53,20%</i>
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	64.237.934.288	38.436.556.480	-40,17%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.615.611.904	4.888.234.663	5,91%
II	Nợ dài hạn	30.223.102.031	5.894.640.434	-80,50%
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	29.798.494.667	5.480.260.740	-81,61%
2	Dự phòng phải trả dài hạn	424.607.364	414.379.694	-2,41%
	Tổng cộng	183.806.925.029	134.514.767.132	-26,82%

Đối với thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước do có chính sách được chậm trả khi ngân sách còn có nợ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế, do vậy số tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng nằm trong số tiền mà ngân sách còn nợ Công ty.

Phải trả ngắn hạn khác tăng do một số nhà thầu nộp tiền bảo đảm dự thầu và thực hiện cho hợp đồng mua bán năm 2020.

Vay tài chính ngắn hạn giảm do nợ dài hạn đến hạn trả của vay đầu tư đã giảm và vốn thiếu nguồn cũng đã được cải thiện do vậy vốn vay ngắn hạn cũng đã được giảm xuống.

Vay tài chính dài hạn giảm do cuối năm Công ty đã chuyển một phần nợ dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn.

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiết giảm lao động tuyệt đối 24 người do chấm dứt hợp đồng lao động kể từ đầu năm đến thời điểm 31/12/2019 tổng số lao động còn 585 người.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2020

I/ Đặc điểm tình hình

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng kỷ niệm 90 năm thành lập đảng; 75 năm thành lập Nước và là năm tiến hành đại hội đảng các cấp tiến tới đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Năm 2020 cũng đã đánh dấu mốc son của chặng đường 25 năm hình thành và phát triển của (Nhà máy xi măng La Hiên) tiền thân của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ngày nay. Chúng ta đã được kế thừa 25 năm thành tựu và đổi mới, thể và lực ngày càng lớn mạnh. Tuy nhiên, hiện tại nền kinh tế vẫn còn nhiều tồn tại những khó khăn, thách thức lớn. Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2020 cạnh tranh rất khốc liệt do cung vượt cầu rất lớn khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Đặc biệt năm 2020 dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid - 19 đã lan tỏa rất nhiều nước trên thế giới và có những diễn biến phức tạp chưa được khống chế. Nhìn chung thì Covid-19 sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa và trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Và chắc chắn, Việt Nam cũng chịu không ít những ảnh hưởng bởi chúng ta có đường biên giới dài, giáp với Trung Quốc và nền kinh tế thị trường luôn mở cửa tự do.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi chúng ta (toàn thể CNVC và NLĐ) tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

1- Nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	730.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	40.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	730.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	40.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	642.858,19	
1	Xi măng	Tr.đ	617.418,19	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	24.360	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	1.080	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	36.500	
D	Cổ tức	%	15,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.780	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động bình quân	Người	570	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	10,67	

2 – Nhiệm vụ thực hiện công tác đầu tư xây dựng:

Tổng giá trị đầu tư ước tính: **38.800** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất			13.300
-	Thiết bị phân tích chất lượng Clinker	Cái	01	4.300
-	Máy nén khí 160KW	Cái	02	3.300
-	Xe ca đưa đón công nhân	Cái	02	5.700
2	Kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao	m ²	1.800	4.200
3	Cải tạo nâng cấp kho chứa than lò quay 1	m ²	1.500	5.000
4	Hệ thống nạp vỏ bao tự động	Cái	01	4.000
5	Hệ thống xếp bao tự động	Cái	01	8.000
6	Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn	HT	01	4.300
	Tổng cộng			38.800

3. Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:

- Bám sát các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 mà ĐHĐCĐ đã thông qua và HĐQT triển khai thực hiện theo từng quý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Có kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị 2 dây chuyền sản xuất khắc phục tối đa những sự cố thiết bị dây chuyền, trọng tâm là sửa chữa lớn các hạng mục chính đảm bảo điều kiện tốt nhất cho dây chuyền hoạt động tối đa. Nghiên cứu thay thế thiết bị dây chuyền 2 đã lạc hậu về kỹ thuật năng suất thấp; Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức Clinker sản xuất.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Thực hiện tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, biến những khó khăn thách thức thành cơ hội và động cơ cho đầu tư phát triển và tái cơ cấu lao động. Tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với NSLĐ và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, Tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm, các kỹ sư công nghệ, chuyên viên kinh tế tạo nguồn nhân lực lâu dài phục vụ sản xuất.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ luôn đảm bảo thông thoáng sạch sẽ thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho NLĐ.

22240-
IGTY
PHÂN
B LA HI
/MI
THAI NG

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động SXKD năm 2019 và phương hướng biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên xin kính trình đại hội.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2020

DỰ THẢO



**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

Trong năm 2019 nền kinh tế nước ta vẫn trên đà phát triển trở lại, đã có nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản và cơ sở hạ tầng, giao thông được tiếp tục triển khai xây dựng. Tình hình tiêu thụ xi măng, clinker ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều đạt kết quả tốt, với tổng sản lượng tăng ~ 2% so với năm 2018.

Ưu thế về chất lượng sản phẩm và thương hiệu xi măng La Tiên trên 24 năm vẫn được duy trì và phát triển, uy tín sử dụng tại các tỉnh phía Bắc, sản phẩm phù hợp với các công trình dân dụng nhất là sản phẩm xi măng PCB30 được nhiều người tin dùng.

2. Khó khăn:

Trong nước thì thị trường xi măng còn cạnh tranh rất khốc liệt do nhiều chủng loại sản phẩm xi măng được bán ra thị trường dẫn đến tình trạng cung vượt cầu.

Về thiết bị sản xuất: 02 dây chuyền thiết bị sản xuất xi măng lò quay sau nhiều năm hoạt động (DC1 từ 2005 và DC2 từ 2010) đã xuống cấp thường xảy ra sự cố, thiết bị phải sửa chữa thay thế nhiều ảnh hưởng tới thời gian huy động thiết bị, tăng chi phí sửa chữa, giảm năng suất thiết bị.

Do 02 dây chuyền sản xuất xi măng có công suất nhỏ nên năng suất lao động thấp, số lượng lao động lớn so với các đơn vị có cùng công suất sản phẩm.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT

Trong năm 2019 HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, các hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT. Hiệu quả hoạt của Công ty luôn duy trì tăng trưởng hàng năm, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận và cổ tức có mức tăng trưởng vượt bậc so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Tất cả các hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI được thực hiện theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ô. Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT- TP Quản lý vốn, Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty	
3	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty	
4	Ô. Hà Văn Chuyển	Ủy viên HĐQT	Thành viên độc lập (từ ngày 05/04/2018)
5	Ô. Trịnh Quốc Bình	Ủy viên HĐQT	Thành viên độc lập (từ ngày 05/04/2018)

Ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã hoàn thiện các quy chế hoạt động và xây dựng cơ chế quản lý điều hành mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành của Công ty. HĐQT đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới nhiều quy chế như:

- Quy chế quản lý tài chính;
- Quy chế tiêu thụ sản phẩm;
- Quy chế quản lý công nợ;
- Quy chế thực hiện dân chủ;
- Quy chế quản lý vật tư ;
- Quy chế huy động vốn;
- Quy chế quản lý, phân phối, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Định kỳ hàng quý, HĐQT đã tổ chức các phiên họp để đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh để chỉ đạo Ban điều hành chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thông qua. Nội dung các cuộc họp của HĐQT đều được cụ thể hóa bằng các Biên bản và Nghị quyết. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT.

2. Về tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết sách lớn của HĐQT công ty năm 2019:

Trong năm 2019, HĐQT đã triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm dưới hình thức họp trực tiếp. Việc triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quản lý, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức **06** phiên họp HĐQT trực tiếp và **03** họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến), ban hành **11** Nghị quyết và **30** quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những vấn đề chính, quan trọng nhất của Công ty được bàn thảo và quyết định tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2019 bao gồm:

- Hàng quý họp đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ quý của Hội đồng quản trị; đánh giá kiểm điểm những mặt làm được, làm tốt, những mặt chưa làm được, mặt còn hạn chế của cơ quan điều hành trong việc thực hiện nghị quyết của quý, nhận định thuận lợi, khó khăn từ chủ quan, khách quan để quyết định kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển sản xuất của Công ty cho quý kế hoạch tiếp theo.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, năm 2019 Công ty hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Được nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động SXKD của Công ty.

Các nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được Công ty thể hiện đầy đủ tại Báo cáo thường niên hàng năm và công bố thông tin theo quy định. Nội dung chi tiết, đề nghị Quý cổ đông tham khảo tại Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty tại địa chỉ: www.ximanglahien.com.vn

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại giám đốc điều hành và cán bộ quản lý năm 2019.

TT	Họ và Tên	Chức danh	Xếp loại năm 2019
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Lê Bá Chức	Phó giám đốc	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

TT	Họ và Tên	Chức danh	Xếp loại năm 2019
3	Vũ Ngọc Bách	Phó giám đốc	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
4	Trần Quang Khải	Phó giám đốc	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
5	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

*** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Trong năm qua bộ máy điều hành đã bám sát nhiệm vụ theo nghị quyết các kỳ Đại hội đồng cổ đông thông qua và các nghị quyết triển khai của HĐQT nên đã điều hành và chỉ đạo các phòng ban; phân xưởng thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã đạt được kết quả doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch. Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đạt được:

Để thực hiện các nghị quyết của HĐQT cơ quan điều hành đã đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế sản xuất, tiêu thụ từng thời điểm, từng khu vực khác nhau. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chính năm 2019 như bảng dưới đây:

4.1. Thực hiện công tác SXKD năm 2019

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHCĐ	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	720.000	743.515	103,26
	<i>Xi măng</i>	"	695.000	712.363	
	<i>Clanhke thương phẩm</i>	"	25.000	31.152	
2	Doanh thu	1000 đ	632.995.780	695.201.980	109,83
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1000 đ	35.000.000	47.971.630	137,06

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHCB	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ % TH/KH
4	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	12	40	333,33
5	Nộp ngân sách nhà nước	1000 đ	32.184.000	42.438.950	131,86
6	Lao động định mức	người	600	599	99,83
7	Tiền lương bình quân	đ/ng/tháng	9.916.667	11.083.162	111,76

4.2. Thực hiện công tác ĐTXD năm 2019:

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2019 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, cụ thể:

+ Dự án đầu tư Hệ thống quan trắc khí thải tự động đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 15/11/2019 với giá trị là: **10,064 tỷ đồng**.

+ Dự án đền bù giải phóng mặt bằng mỏ sét Cúc Đường Công ty đã quyết toán và hạch toán đưa vào chi phí trong hai năm 2019 và năm 2020 với giá trị là: **1,597 tỷ đồng**.

+ Dự án đầu tư cải tạo cân cấp than dây chuyền lò II, hiện tại thiết bị đã được nhập khẩu về Công ty, chờ dừng dây chuyền sản xuất để lắp đặt, kết nối và bàn giao đưa dự án vào sử dụng.

+ Dự án đầu tư XDCT đường dây 35KV và TBA 400KVA-35/0.4KV mỏ đá vôi Đồng Chuông đã thực hiện xong việc mở thầu và đang tổ chức đánh giá lựa chọn nhà thầu.

+ Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn đang thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư của dự án.

+ Dự án hệ thống đóng bao tự động chuyển hạng mục đầu tư và đưa vào kế hoạch thực hiện trong năm 2020.

5. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, BKS đối với việc quản trị, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và viên chức quản lý đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 05/04/2019 đã thông qua, trong năm 2019 tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT, BKS và viên chức quản lý dự kiến sẽ chi trả như sau:

Bảng tổng hợp chi phí trả lương, thưởng, thù lao cho HĐQT, BKS

Đvt: Tr.đồng

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị					418,485
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT		11,138	89,107	100,245
2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT			74,880	74,880
3	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT			74,880	74,880
4	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT		9,360	74,880	84,240
5	Trịnh Quốc Bình	TV HĐQT		9,360	74,880	84,240
II	Ban kiểm soát					584,203
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	383,760	47,970		431,730
3	Phạm Đình Tuấn (1)	UV BKS		6,353	50,825	57,178
4	Hoàng Thị Thúy	UV BKS		8,470	67,766	76,236
5	Lê Thị Hồng Cẩm (2)	UV BKS		2,117	16,942	19,059
III	Viên chức quản lý					2.021,65
1	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	426,816	53,352		482,168
2	Lê Bá Chức	Phó GD	374,400	46,800		421,200
3	Vũ Ngọc Bách	Phó GD	374,400	46,800		421,200
4	Trần Quang Khải (3)	Phó GD	280,800	35,100		315,900
5	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	338,832	42,354		381,186
	Tổng cộng					3.024,34

(1) Thành viên BKS từ ngày 05/04/2019

(2) Thành viên BKS đến ngày 04/04/2019

(3) Viên chức quản lý từ ngày 01/04/2019

III- KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2020:

Năm 2020 dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục xu hướng giảm; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng.

Năm 2020 trước đại dịch viêm phổi cấp Covid - 19 cũng đã ảnh hưởng rất nặng nề đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển của toàn nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế nhận định tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 sẽ giảm ít nhất 0,55% so với năm 2019.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, clinker phục vụ cho xây dựng, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển nhanh, mạnh sẽ kéo theo việc đẩy mạnh mở rộng đầu tư xây dựng và ngược lại. Trong những tháng đầu năm 2020 gần như thị trường xuất

khẩu xi măng, clinker bị ngưng trệ; sản lượng tiêu thụ trong nước cũng giảm rất mạnh, theo báo cáo của Hiệp hội xi măng Việt Nam và công văn số 140/TTHH ngày 28/02/2020 của Hiệp hội xi măng Việt Nam trình Thủ tướng Chính Phủ việc tiêu thụ xi măng nội địa giảm sút chỉ bằng 60% so với cùng kỳ 2019 và bằng 48% so với cuối năm 2019. Xi măng La Hiên cũng không thể nằm ngoài những tác động ảnh hưởng đó và cũng sẽ là nhân tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty.

1. Mục tiêu:

Chiến lược phát triển của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI trong năm 2020 vẫn duy trì mục tiêu “Tăng cao sản lượng tiêu thụ sản phẩm. Làm chủ công nghệ mới, khai thác tối đa công suất của hai dây chuyền sản xuất đảm bảo ổn định và hiệu quả. Sản xuất an toàn đi đôi với bảo vệ môi trường, không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành tăng sức cạnh tranh sản phẩm, xây dựng Công ty phát triển bền vững”

2- Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	730.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	40.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	730.000	
1	Xi măng	“	690.000	
2	Clinker thương phẩm	“	40.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	642.858,19	
1	Xi măng	Tr.đ	617.418,19	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	24.360	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	1.080	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	36.500	
D	Cổ tức	%	15,00	
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	31.780	
E	Lao động và tiền lương			
1	Lao động bình quân	Người	570	
2	Tiền lương bình quân	trđ/ng/thg	10,67	

3 - Kế hoạch thực hiện công tác đầu tư xây dựng:

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2020 với tổng giá trị đầu tư ước tính: **38.800** triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất			13.300
-	<i>Thiết bị phân tích chất lượng Clinker</i>	<i>Cái</i>	<i>01</i>	<i>4.300</i>
-	<i>Máy nén khí 160KW</i>	<i>Cái</i>	<i>02</i>	<i>3.300</i>
-	<i>Xe ca đưa đón công nhân</i>	<i>Cái</i>	<i>02</i>	<i>5.700</i>
2	Kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao	m ²	1.800	4.200
3	Cải tạo nâng cấp kho chứa than lò quay 1	m ²	1.500	5.000
4	Hệ thống nạp vỏ bao tự động	Cái	01	4.000
5	Hệ thống xếp bao tự động	Cái	01	8.000
6	Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn	HT	01	4.300
	Tổng cộng			38.800

4. Các giải pháp cơ bản trong điều hành của HĐQT năm 2020:

- Hội đồng quản trị Công ty phải năng động sáng tạo hơn nữa để giải quyết tháo gỡ những vấn đề vướng mắc, đề ra những giải pháp khắc phục khó khăn, tận dụng cơ hội mới để nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD.

- Tăng cường chỉ đạo giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

- Có các giải pháp, phương án huy động vốn thích hợp đảm bảo được nguồn vốn cho trả nợ đầu tư, cho sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất.

- Đổi mới phương pháp làm việc nâng cao chất lượng công việc, các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin kịp thời ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị doanh nghiệp với những nội dung trên. Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin chúc các Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Huy Hùng

Số:/BC-ĐHĐCĐ.2020

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 04 năm 2020

DỰ THẢO



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020



Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY Việt Nam;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

1.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh năm 2019 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra;

1.2. Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp để phân công và triển khai nhiệm vụ tới từng thành viên; đánh giá, thẩm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm;

1.3. Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty; đề từ đó năm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của đơn vị đúng với quy định của pháp luật cũng như phương hướng của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: *Quy chế tài chính, quy chế tiêu thụ sản phẩm, quy chế quản lý công nợ, quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý vật tư, quy chế vay vốn trong cán bộ công nhân viên, quy chế quản lý, phân phối sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.*

1.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty cũng như Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

1.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định báo cáo tài chính quý, năm 2019 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY Việt Nam;

1.7. Hàng quý lập các báo cáo giám sát gửi Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

1.8. Trong năm 2019, Ban kiểm soát của Công ty đã nhận được đơn thư kiến nghị của nhóm Cổ đông về một số nội dung liên quan hoạt động SXKD của Công ty. Ban kiểm soát đã có báo cáo về việc kiểm tra và giám sát những nội dung theo đơn kiến nghị gửi tới Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và nhóm cổ đông.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2020 của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát tại CV số 02/CV-BKS ngày 30 tháng 01 năm 2020, tập trung vào các nhiệm vụ chính sau:

2.1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị;

2.2. Nâng cao khả năng áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro trong sản xuất kinh doanh; tận dụng tối đa các thời cơ đồng thời chủ động với các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới Công ty;

2.3. Quản trị chi phí và tiết kiệm trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;

2.4. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán và chế độ hạch toán kế toán, đáp ứng nhanh nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban điều hành; phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành;

2.5. Công bố thông tin, minh bạch hóa các hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán, thỏa mãn lợi ích của nhà đầu tư.

II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Về thù lao của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã trả tiền lương và thù lao cho Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 cụ thể như sau:

Bảng 1: Tiền lương, thưởng, thù lao của BKS dự kiến trong năm 2019:

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
II	Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng BKS	383,760	47,970		431,730
2	Phạm Đình Tuấn (1)	UV BKS		6,353	50,825	57,178
3	Hoàng Thị Thúy	UV BKS		8,470	67,766	76,236
4	Lê Thị Hồng Cẩm (2)	UV BKS		2,117	16,942	19,059

(1) Thành viên BKS từ ngày 05/04/2019

(2) Thành viên BKS đến ngày 04/04/2019

2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm không phát sinh chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát viên.

III. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

1. Về công tác quản trị và điều hành Công ty:

a. Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Năm 2019 HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

b. Ban điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2019 thị trường tiêu thụ xi măng có những chuyển biến tích cực tuy nhiên mức cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ vững thị trường hiện có, tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới. Thành công của công tác thị trường năm 2019 là Công ty đã tăng được cơ cấu sản phẩm xi măng bao có giá bán cao, giảm cơ cấu sản phẩm xi măng bột, clinker giá bán thấp tăng hiệu quả kinh doanh năm 2019.

+ Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, thay thế phụ gia có giá thấp trong xi măng để hạ giá thành sản phẩm và đã đạt được hiệu quả kinh tế cao.

+ Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

+ Tích cực tìm các giải pháp để đầu tư cải tiến thay thế thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật thay thế thiết bị mới tốt hơn tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm. Tổ chức tốt việc bảo dưỡng, sửa chữa sự cố, sửa chữa lớn thiết bị, chủ động dừng lò và thiết bị để bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch vào các thời điểm tết Nguyên Đán và mùa mưa sản lượng tiêu thụ chậm.

Kết quả năm 2019, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể: Lợi nhuận trước thuế đạt 47.971,63 tr đồng/kế hoạch 35.000 triệu đồng bằng 137,06% so với kế hoạch, cổ tức chi trả dự kiến 40% / kế hoạch 12% (Trong đó chi cổ tức bằng tiền 20%, chi cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ 20%);

Trong năm 2019, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát cho rằng tất cả các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT.

2. Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập các Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp;

- Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đơn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

- Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

- Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Bảng 2: Bảng cân đối kế toán

DVT: Đồng

T T	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A	Tài sản ngắn hạn	100	47.246.583.600	46.396.903.625
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	17.673.820.414	1.637.597.972
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	17.039.504.140	30.193.024.863
4	Hàng tồn kho	140	12.533.259.046	14.566.280.790
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	0	0
B	Tài sản dài hạn	200	262.018.533.651	301.181.636.256
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	468.799.986	424.607.364
2	Tài sản cố định	220	242.730.242.905	292.982.030.331
-	Tài sản cố định hữu hình	221	242.730.242.905	278.286.116.421
-	Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0
-	Tài sản cố định vô hình	227	0	14.695.913.910
3	Bất động sản đầu tư	230		0
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	369.758.652	2.042.371.702
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250		0
6	Tài sản dài hạn khác	260	18.449.732.108	5.732.626.859

T T	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
	Tổng cộng tài sản	270	309.265.117.252	347.578.539.881
C	Nợ phải trả	300	134.514.767.132	183.806.925.029
1	Nợ ngắn hạn	310	128.620.126.698	153.583.822.998
-	Phải trả người bán ngắn hạn	311	30.406.530.906	35.659.631.184
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.666.566.876	531.542.166
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.032.007.156	17.830.329.659
-	Phải trả người lao động	314	31.616.036.795	24.609.002.699
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.177.148.262	4.112.161.380
-	Phải trả ngắn hạn khác	319	3.397.045.560	1.987.609.718
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	38.436.556.480	64.237.934.288
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.888.234.663	4.615.611.904
2	Nợ dài hạn	330	5.894.640.434	30.223.102.031
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.480.260.740	29.798.494.667
-	Dự phòng phải trả dài hạn	342	414.379.694	424.607.364
D	Vốn chủ sở hữu	400	174.750.350.120	163.771.614.852
1	Vốn chủ sở hữu	410	174.750.350.120	163.771.614.852
-	Vốn góp của chủ sở hữu	411	100.000.000.000	100.000.000.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	412	464.476.156	464.476.156
-	Quỹ đầu tư phát triển	418	32.114.635.437	32.114.635.437
-	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	421	42.171.238.526	31.192.503.259
	Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440	309.265.117.251	347.578.539.881

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Số liệu về sản xuất kinh doanh năm 2019:

Bảng 3: Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2018	Năm 2019
1	2	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.636.711.235	689.684.527.536
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.636.711.235	689.684.527.536
4	Giá vốn hàng bán	633.088.741.953	589.181.912.485

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2018	Năm 2019
1	2	4	5
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.547.969.282	100.502.615.051
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.303.641.786	16.241.773
7	Chi phí tài chính	11.074.527.881	7.526.823.503
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>11.070.485.932</i>	<i>7.465.864.983</i>
8	Chi phí bán hàng	13.486.359.290	16.314.724.893
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.633.577.508	28.796.287.294
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38.657.146.389	47.881.021.134
11	Thu nhập khác	580.857.899	91.283.692
12	Chi phí khác	105.873.172	672.520
13	Lợi nhuận khác	474.984.727	90.611.172
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39.132.131.116	47.971.632.306
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.939.627.857	9.683.206.461
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.192.503.259	38.288.425.845
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.534,00	3.828,84

4. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,30	0,37	
+	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,21	0,27	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</i>			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,53	0,43	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,12	0,77	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:</i>			
+	Vòng quay hàng tồn kho:			

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
	<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	39,04	43,48	
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,07	2,23	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Doanh thu thuần	4,33%	5,55%	
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Vốn chủ sở hữu	19,05%	21,91%	
+	<u>Hệ số lợi nhuận sau thuế</u> Tổng tài sản	8,97%	12,38%	
+	<u>Hệ số LN từ hoạt động KD</u> Doanh thu thuần	5,36%	6,94%	

Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Tuy nhiên các hệ số về khả năng thanh toán còn thấp so với yêu cầu chung.

IV. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong năm 2019, HĐQT cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát;

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

V. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Năm 2020 đại dịch viêm phổi cấp Covid - 19 ảnh hưởng rất nặng nề đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Sự bùng phát nhanh chóng của dịch bệnh trên toàn cầu và chưa dừng lại cũng sẽ là rủi ro hết sức nguy hiểm đối với sự phát triển của toàn nền kinh tế. Bên cạnh đó tình hình căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn

đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Nền kinh tế trong nước cũng vì thế mà tăng trưởng chậm lại. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi cũng phải đối mặt không ít khó khăn với thời tiết diễn biến phức tạp và dịch bệnh đã khiến Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời.

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Có các biện pháp hữu hiệu để tăng hệ số khả năng thanh toán, giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

- Về tình hình thực hiện tái cơ cấu lao động: Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Có lộ trình giảm thiểu lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ về đúng mô hình mẫu. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý.

- Tăng cường đánh giá hiệu quả công việc được thể hiện qua công cụ KPI nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý, đúng định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp đề phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng

một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2019. Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Nguyễn Thị Thu Hoài



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán của
Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI



Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019 do Công ty TNHH PKF Việt Nam lập ngày 15/2/2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI.

(Có báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

Đỗ Huy Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Hà Văn Chuyên	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc	
Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc	
Ông Trần Quang Khải	Phó Giám đốc	Từ ngày 01/4/2019
Bà Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Trưởng ban	
Ông Phạm Đình Tuấn	Thành viên	Từ ngày 05/4/2019
Bà Lê Thị Hồng Cẩm	Thành viên	Đến ngày 04/4/2019
Bà Hoàng Thị Thúy	Thành viên	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng

Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Số: **33** /2020/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/02/2020, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo kiểm toán số 12/2019/BCKT-PKF.VPC ngày 25/02/2019.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2020

A blue ink signature of the auditor, Nguyễn Văn Hải.

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.246.583.600	46.396.903.625
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.673.820.414	1.637.597.972
Tiền	111		17.673.820.414	1.637.597.972
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.039.504.140	30.193.024.863
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.267.060.621	29.654.547.271
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.077.659	711.304.071
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	842.311.741	1.093.126.548
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.201.945.881)	(1.265.953.027)
Hàng tồn kho	140	8	12.533.259.046	14.566.280.790
Hàng tồn kho	141		12.655.009.812	14.811.555.898
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(121.750.766)	(245.275.108)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.018.533.651	301.181.636.256
Các khoản phải thu dài hạn	210		468.799.986	424.607.364
Phải thu dài hạn khác	216	6	468.799.986	424.607.364
Tài sản cố định	220		242.730.242.905	292.982.030.331
Tài sản cố định hữu hình	221	10	242.730.242.905	278.286.116.421
- Nguyên giá	222		925.972.787.992	916.820.372.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(683.242.545.087)	(638.534.255.979)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	14.695.913.910
- Nguyên giá	228		1.632.274.438	21.458.340.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.632.274.438)	(6.762.427.063)
Tài sản dở dang dài hạn	240		369.758.652	2.042.371.702
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	369.758.652	2.042.371.702
Tài sản dài hạn khác	260		18.449.732.108	5.732.626.859
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	18.449.732.108	5.732.626.859
TỔNG TÀI SẢN	270		309.265.117.251	347.578.539.881

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		134.514.767.132	183.806.925.029
Nợ ngắn hạn	310		128.620.126.698	153.583.822.998
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	30.406.530.906	35.659.631.184
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.666.566.876	531.542.166
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	15.032.007.156	17.830.329.659
Phải trả người lao động	314		31.616.036.795	24.609.002.699
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.177.148.262	4.112.161.380
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.397.045.560	1.987.609.718
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	38.436.556.480	64.237.934.288
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.888.234.663	4.615.611.904
Nợ dài hạn	330		5.894.640.434	30.223.102.031
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	5.480.260.740	29.798.494.667
Dự phòng phải trả dài hạn	342		414.379.694	424.607.364
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.750.350.119	163.771.614.852
Vốn chủ sở hữu	410	18	174.750.350.119	163.771.614.852
Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.114.635.437	32.114.635.437
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.171.238.526	31.192.503.259
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.882.812.681	17.523.571.702
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		30.288.425.845	13.668.931.557
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		309.265.117.251	347.578.539.881



Nguyễn Văn Dũng
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	689.684.527.536	720.636.711.235
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		689.684.527.536	720.636.711.235
Giá vốn hàng bán	11	20	589.181.912.485	633.088.741.953
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.502.615.051	87.547.969.282
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	16.241.773	2.303.641.786
Chi phí tài chính	22	22	7.526.823.503	11.074.527.881
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.465.864.983	11.070.485.932
Chi phí bán hàng	25	23	16.314.724.893	13.486.359.290
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	28.796.287.294	26.633.577.508
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.881.021.134	38.657.146.389
Thu nhập khác	31	25	91.283.692	580.857.899
Chi phí khác	32	26	672.520	105.873.172
Lợi nhuận khác	40		90.611.172	474.984.727
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.971.632.306	39.132.131.116
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.683.206.461	7.939.627.857
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.288.425.845	31.192.503.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.829	2.534



Nguyễn Văn Dũng
 Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	47.971.632.306	39.132.131.116
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	46.050.009.798	59.454.649.415
Các khoản dự phòng	03	(154.047.568)	(1.101.721.998)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(5.533.071)	(526.509.699)
Chi phí lãi vay	06	7.465.864.983	11.070.485.932
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	101.327.926.448	108.029.034.766
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.184.043.949	(8.412.731.771)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.156.546.086	4.376.886.125
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.759.742.398	9.754.002.535
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.258.349.949	(2.285.584.609)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.417.373.024)	(10.946.766.017)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.212.235.250)	(4.009.654.882)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	431.535.000	158.906.875
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.009.154.545)	(5.492.923.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	99.479.381.011	91.171.169.531
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.826.554.342)	(5.117.363.264)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	509.859.913
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.533.071	16.649.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.821.021.271)	(4.590.853.565)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	445.382.655.137	546.234.225.011
Tiền trả nợ gốc vay	34	(495.502.266.872)	(619.143.286.197)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(24.502.525.563)	(14.957.171.437)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.622.137.298)	(87.866.232.623)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	16.036.222.442	(1.285.916.657)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 5	1.637.597.972	2.923.514.629
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 5	17.673.820.414	1.637.597.972



Nguyễn Văn Dũng
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền WMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 100.000.000.000 đồng, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính (tiếp)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

1.3 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

1.4 Chu kỳ kinh doanh

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVM được lập theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu chính: Bình quân theo tháng
- Các hàng tồn kho còn lại: Phương pháp bình quân di động.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của bán thành phẩm tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu và các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tại ngày 31/12/2019, việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	8 - 20
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

3.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm phí sử dụng tài liệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Các khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí sử dụng tài liệu mỏ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các khoản đầu tư mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.14 Ghi nhận giá vốn

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu được ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.15 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	399.490.543	308.717.475
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.274.329.871	1.328.880.497
Cộng	17.673.820.414	1.637.597.972

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	17.267.060.621	29.654.547.271
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên	-	7.957.680.000
- Ủy ban nhân dân xã Trảng Xá	-	4.021.360.000
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Chấn	2.018.100.000	791.700.000
- Ủy ban nhân dân xã Dân Tiến	1.707.860.000	1.324.400.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.541.100.621	15.559.407.271
Dài hạn	-	-
Cộng	17.267.060.621	29.654.547.271
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	40.947.500	-
<i>(Chi tiết theo thuyết minh số 28)</i>		

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	842.311.741	-	1.093.126.548	-
- Tạm ứng	7.769.935	-	3.327.514	-
- Phải thu cán bộ, công nhân viên	457.032.542	-	743.656.994	-
- Phải thu khác	377.509.264	-	346.142.040	-
Dài hạn	468.799.986	-	424.607.364	-
- Ký cược, ký quỹ	468.799.986	-	424.607.364	-
Cộng	1.311.111.727	-	1.517.733.912	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.352.912.302	150.966.421	1.601.001.228	335.048.201
Từ 01 đến dưới 02 năm	-	-	27.000.000	13.500.000
+ Công ty TNHH Lan Kim - Bắc Cạn	-	-	27.000.000	13.500.000
Từ 02 đến dưới 03 năm	503.221.402	150.966.421	669.896.402	321.548.201
+ Công ty TNHH Lan Kim - Bắc Cạn	27.000.000	8.100.000	-	-
+ Công ty CP Tấm lợp & Vật liệu Xây dựng Thái Nguyên	409.441.402	122.832.421	536.116.402	268.058.201
+ Công ty TNHH Yên Lạc - Bắc Cạn	66.780.000	20.034.000	66.780.000	33.390.000
+ Doanh nghiệp Tư nhân Quang Tuyến	-	-	67.000.000	20.100.000
Từ 03 năm trở lên	849.690.900	-	904.104.826	-
+ Công ty TNHH Dương Giang Thái Nguyên	700.165.900	-	749.108.900	-
+ Công ty TNHH Lâm Bình	77.775.000	-	77.775.000	-
+ Phòng tài chính Huyện Phổ Yên	71.750.000	-	71.750.000	-
+ Ông Nguyễn Thế Giang	-	-	5.470.926	-
Cộng	1.352.912.302	150.966.421	1.601.001.228	335.048.201

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIÊN

Xóm Cây Bòng, xã La Hiên

Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.826.349.594	(121.750.766)	4.153.884.489	(245.275.108)
Công cụ, dụng cụ	30.993.257	-	44.118.903	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.797.666.961	-	10.613.552.506	-
Cộng	12.655.009.812	(121.750.766)	14.811.555.898	(245.275.108)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	18.449.732.108	5.732.626.859
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	389.913.452	1.169.740.352
- Phí sử dụng tài liệu	1.293.398.505	1.422.601.250
- Chi phí sửa chữa tuyến đường từ Mỏ Đồng Chuổng ra QL 1B	1.992.089.053	3.140.285.257
- Chi phí đền bù GPMB (*)	14.774.331.098	-
Cộng	18.449.732.108	5.732.626.859

(*): Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2019	323.716.441.214	569.525.486.747	23.259.353.530	319.090.909	916.820.372.400
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.152.415.592	-	-	9.152.415.592
Tại 31/12/2019	<u>323.716.441.214</u>	<u>578.677.902.339</u>	<u>23.259.353.530</u>	<u>319.090.909</u>	<u>925.972.787.992</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2019	193.939.722.957	421.302.293.794	22.973.148.319	319.090.909	638.534.255.979
- Khấu hao trong năm	10.758.485.179	35.005.319.408	286.205.211	-	46.050.009.798
- Giảm khác	(1.341.720.690)	-	-	-	(1.341.720.690)
Tại 31/12/2019	<u>203.356.487.446</u>	<u>456.307.613.202</u>	<u>23.259.353.530</u>	<u>319.090.909</u>	<u>683.242.545.087</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2019	<u>129.776.718.257</u>	<u>148.223.192.953</u>	<u>286.205.211</u>	<u>-</u>	<u>278.286.116.421</u>
Tại 31/12/2019	<u>120.359.953.768</u>	<u>122.370.289.137</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>242.730.242.905</u>

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 362.979.042.015 đồng.

Giá trị còn lại các tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 228.322.244.601 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2019	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
- Phân loại lại tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước	(19.826.066.535)	-	(19.826.066.535)
Tại 31/12/2019	-	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ HAO MÓN			
Tại 01/01/2019	5.130.152.625	1.632.274.438	6.762.427.063
- Trích khấu hao trong năm			-
- Phân loại lại tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước	(5.130.152.625)	-	(5.130.152.625)
Tại 31/12/2019	-	1.632.274.438	1.632.274.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	14.695.913.910	-	14.695.913.910
Tại 31/12/2019	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438 đồng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2019 VND	Tại 01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	369.758.652	2.042.371.702
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Mỏ sét Cúc Đường	-	1.597.751.800
- Hệ thống quan trắc khí thải tự động	-	444.619.902
- Dự án: Cân cấp than	51.353.525	-
- Đường điện 35Kv và 0,4 Kv Mỏ đá Đồng Chuông	67.405.127	-
- Thiết kế bản vẽ thi công mở rộng mỏ sét Cúc Đường	162.000.000	-
- Chi phí tư vấn cải tạo hệ thống cấp thoát nước	89.000.000	-
Cộng	369.758.652	2.042.371.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	30.406.530.906	30.406.530.906	35.659.631.184	35.659.631.184
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	2.668.682.016	2.668.682.016	2.865.971.215	2.865.971.215
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	2.223.549.900	2.223.549.900	3.925.042.110	3.925.042.110
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Nhất Kiến	-	-	4.323.000.000	4.323.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Lương	951.324.962	951.324.962	678.822.519	678.822.519
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thành Thiên	7.871.762.100	7.871.762.100	-	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bắc Thái	2.654.821.658	2.654.821.658	1.817.776.620	1.817.776.620
- Các đối tượng khác	14.036.390.270	14.036.390.270	22.049.018.720	22.049.018.720
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	30.406.530.906	30.406.530.906	35.659.631.184	35.659.631.184
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.669.515.477	3.669.515.477	3.349.288.408	3.349.288.408
<i>(Chi tiết theo thuyết minh số 28)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	9.856.001.455	21.192.696.654	24.113.345.195	6.935.352.914
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.059.184.201	11.164.242.687	12.212.235.250	6.011.191.638
- Thuế thu nhập cá nhân	258.844.297	977.142.362	877.170.472	358.816.187
- Thuế tài nguyên	490.303.418	2.177.250.613	1.353.342.924	1.314.211.107
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	814.981.283	814.981.283	-
- Các loại thuế khác	18.348.119	5.728.950	24.077.069	-
- Quyền khai thác khoáng sản	-	2.627.151.000	2.627.151.000	-
- Phí bảo vệ môi trường	147.648.169	681.430.559	416.643.418	412.435.310
Cộng	17.830.329.659	39.640.624.108	42.438.946.611	15.032.007.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.177.148.262	4.112.161.380
- Chi phí lãi vay	1.486.310.863	1.437.817.435
- Chi phí điện năng tiêu thụ	1.163.021.720	2.474.283.945
- Chi phí phải trả khác	527.815.679	200.060.000
Dài hạn	-	-
Cộng	3.177.148.262	4.112.161.380

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Tại 31/12/2019	Tại 01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	3.397.045.560	1.987.609.718
- Kinh phí công đoàn	83.929.180	122.544.942
- Lợi nhuận, cổ tức phải trả	770.886.750	273.412.313
- Phải trả, phải nộp khác	2.542.229.630	1.591.652.463
Dài hạn	-	-
Cộng	3.397.045.560	1.987.609.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Tại 01/01/2019		Trong năm		Tại 31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ ngắn hạn	64.237.934.288	64.237.934.288	465.199.523.939	491.000.901.747	38.436.556.480	38.436.556.480
Vay ngắn hạn	64.237.934.288	64.237.934.288	442.702.406.259	491.000.901.747	15.939.438.800	15.939.438.800
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	22.497.117.680	-	22.497.117.680	22.497.117.680
Vay và nợ dài hạn	29.798.494.667	29.798.494.667	2.680.248.878	26.998.482.805	5.480.260.740	5.480.260.740
Vay dài hạn	29.798.494.667	29.798.494.667	2.680.248.878	26.998.482.805	5.480.260.740	5.480.260.740
Cộng	94.036.428.955	94.036.428.955	467.879.772.817	517.999.384.552	43.916.817.220	43.916.817.220

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2019	31/12/2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	VND	Thả nổi có điều chỉnh	Thế chấp	26.651.000.000	15.504.993.653
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	VND	Thả nổi có điều chỉnh	Thế chấp	7.527.000.000	5.181.283
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	VND	Thả nổi có điều chỉnh	Thế chấp	30.059.934.288	429.263.864
				64.237.934.288	15.939.438.800

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	01/01/2019	31/12/2019
Vay cá nhân	VND	8,8%	Không có	29.798.494.667	27.977.378.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	100.000.000.000	464.476.156	24.327.394.348	27.978.735.149	152.770.605.653
- Lãi trong năm	-	-	-	31.192.503.259	31.192.503.259
- Phân phối lợi nhuận	-	-	7.787.241.089	(27.978.735.149)	(20.191.494.060)
31/12/2018	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	31.192.503.259	163.771.614.852
01/01/2019	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	31.192.503.259	163.771.614.852
- Lãi trong năm	-	-	-	38.288.425.845	38.288.425.845
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(27.309.690.578)	(27.309.690.578)
31/12/2019	100.000.000.000	464.476.156	32.114.635.437	42.171.238.526	174.750.350.119

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIÊN VVM

Xóm Cây Bông, xã La Hiên

huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại 31/12/2019		Tại 01/01/2019	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	51,38%	51.383.000.000	51,38%	51.383.000.000
Các cổ đông khác	48,62%	48.617.000.000	48,62%	48.617.000.000
Cộng	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

18.3 Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

18.4 Cổ phiếu

	Tại 31/12/2019 Cổ phiếu	Tại 01/01/2019 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	687.366.617.458	718.062.384.998
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.317.910.078	2.574.326.237
Cộng	689.684.527.536	720.636.711.235
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết theo thuyết minh số 28)	1.715.901.092	6.753.067.182

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Giá vốn thành phẩm đã bán	586.383.750.393	630.222.799.807
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	636.989.250	1.500.757.363
- Tiền cấp quyền	2.284.697.184	2.441.823.835
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(123.524.342)	(1.076.639.052)
Cộng	589.181.912.485	633.088.741.953

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.533.071	5.852.566
- Chiết khấu thanh toán tiền than	-	2.286.992.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.708.702	10.797.220
Cộng	16.241.773	2.303.641.786

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	7.465.864.983	11.070.485.932
- Chi phí tài chính khác	60.958.520	4.041.949
Cộng	7.526.823.503	11.074.527.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	28.796.287.294	26.633.577.508
- Chi phí nhân viên quản lý	16.718.948.820	16.726.210.000
- Chi phí vật liệu quản lý	393.861.519	321.627.637
- Chi phí đồ dùng văn phòng	432.254.963	326.359.356
- Chi phí khấu hao TSCĐ	28.913.976	473.529.660
- Thuế, phí và lệ phí	6.628.821	3.000.000
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(64.007.146)	(68.338.406)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.739.244	735.975.925
- Chi phí bằng tiền khác	10.468.947.097	8.115.213.336
Các khoản chi phí bán hàng	16.314.724.893	13.486.359.290
- Chi phí nhân viên	3.988.202.639	2.468.415.298
- Chi phí vật liệu, bao bì	6.063.308.075	2.639.974.040
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	185.829.766	212.241.447
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	284.877.034	327.894.397
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.401.769	1.302.130.566
- Chi phí bằng tiền khác	4.836.105.610	6.535.703.542
Cộng	45.111.012.187	40.119.936.798

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	467.567.578.139	500.436.266.443
Chi phí nhân công	90.070.298.236	88.678.957.029
Khấu hao tài sản cố định	46.050.009.798	59.454.649.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.145.910.843	15.653.620.544
Chi phí bằng tiền khác	22.100.935.713	21.235.753.717
Cộng	646.934.732.729	685.459.247.148

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu từ thanh lý tài sản, vật tư	-	491.185.368
Thu nhập khác	91.283.692	89.672.531
Cộng	91.283.692	580.857.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản chi phí khác	672.520	105.873.172
Cộng	672.520	105.873.172

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	38.288.425.845	31.192.503.259
Các khoản điều chỉnh giảm (VND)	-	5.850.242.304
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	-	5.850.242.304
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	38.288.425.845	25.342.260.955
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	3.829	2.534

(*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 08/NQ-HĐQT ngày 05/4/2019.

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 chưa giảm trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về việc trích quỹ này trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu với bên liên quan		1.715.901.092	6.753.067.182
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ	Cùng Tập đoàn	53.590.910	-
- Công ty Than Khánh Hòa - WMI	Cùng Công ty mẹ	1.138.800.000	1.229.400.000
- Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc - WMI	Cùng Công ty mẹ	517.192.000	572.910.910
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - WMI	Cùng Công ty mẹ	-	115.595.453
- Công ty Xi măng Tân Quang - WMI	Cùng Công ty mẹ	-	2.377.499.728
- Công ty Xi măng Quán Triều WMI	Cùng Công ty mẹ	4.500.000	2.456.752.000
- Công ty CP sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - WMI	Cùng Công ty mẹ	1.818.182	909.091
	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng bên có liên quan		178.441.559.697	222.352.321.320
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Tập đoàn	119.532.085.835	128.568.831.088
- Trường Cao đẳng Nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	218.000.000	88.577.727
- Trường cao đẳng Than khoáng sản Việt nam	Cùng Tập đoàn	144.074.000	-
- Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	Cùng Tập đoàn	865.564.351	326.330.770
- Công ty Than Núi Hồng - WMI	Cùng Công ty mẹ	32.400.000	113.909.091
- Bệnh viện Than - Khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	291.233.700	271.860.300
- Chi nhánh CTCP Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	Cùng Tập đoàn	816.420.330	723.206.000
- Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	2.000.000	54.819.200
- Công ty Than Khánh Hòa - WMI	Cùng Công ty mẹ	3.033.790.250	2.473.671.250
- Công ty Cơ khí mỏ Việt Bắc - WMI	Cùng Công ty mẹ	1.226.738.500	2.154.862.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - WMI	Cùng Công ty mẹ	560.177.388	1.996.086.040
- Công ty Xi măng Quán Triều WMI	Cùng Công ty mẹ	758.862.000	9.964.284.049
- Tập chí than khoáng sản Việt Nam	Cùng Tập đoàn	15.000.000	15.000.000
- Công ty Xi măng Tân Quang - WMI	Cùng Công ty mẹ	-	3.969.233.090
- Công ty CP sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - WMI	Cùng Công ty mẹ	47.544.870.586	67.052.447.804
- Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Cùng Tập đoàn		165.146.195
- Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên - WMI	Cùng Công ty mẹ	2.487.092.756	3.735.444.898
- Trung tâm điều dưỡng ngành than - WMI	Cùng Công ty mẹ	752.990.001	644.531.818
- Công ty CP Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI	Cùng Công ty mẹ	160.260.000	34.080.000

CÔNG TY CP XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Xóm Cây Bòng, xã La Hiên
huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương, thưởng của ban Giám đốc	2.037.856.500	1.908.225.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	417.519.000	330.390.000
Thù lao, lương và thưởng của Ban kiểm soát	585.328.800	432.000.000

Số dư với các bên liên quan:

		VND	VND
Các khoản phải thu		40.947.500	-
Công ty than Khánh hoà - VVMI	Cùng Công ty mẹ	40.947.500	-
Phải thu khác		-	343.145.811
Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP	Công ty mẹ	-	343.145.811
Phải trả người bán		3.669.515.477	3.349.288.408
Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cùng Công ty mẹ	3.334.534.016	2.865.971.215
Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Cùng Công ty mẹ	11.368.389	-
Công ty Tư vấn quản lý dự án - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	69.665.000
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Cùng Tập đoàn	267.288.903	74.456.503
Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Cùng Công ty mẹ	-	241.675.850
Công ty Thanh Khánh Hòa - VVMI	Cùng Công ty mẹ	-	18.526.200
Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai	Cùng Tập đoàn	56.324.169	78.993.640

29. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Văn Dũng
Giám đốc

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hằng
Người lập biểu

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số: 165.../CLH-KTTKTC
“V/v : Giải trình biến động lợi nhuận
sau thuế năm 2019 so với năm 2018”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 02 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xi măng La Tiên VVMI
Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, Xã La Tiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái
Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02803.829.154

Fax: 02803.829.056

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng La Tiên VVMI

Mã chứng khoán: **CLH**

Nội dung giải trình:

Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI có Lợi nhuận sau thuế thu nhập
doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Lợi nhuận sau thuế	31.192.503.259	38.288.425.845	22,75%

Nguyên nhân: Mặc dù sản lượng tiêu thụ năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm trước là 8,49% nhưng Công ty đã cơ cấu được vùng tiêu thụ sản phẩm, giữ vùng thị trường giá cao góp phần tăng hiệu quả trong kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty đưa ra các giải pháp điều hành nhằm tăng năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Những yếu tố đó đã giúp Công ty nâng cao được lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, (website);
- Lưu: VP, KTTKTC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN DŨNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2020

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020

Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020

Căn cứ luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả thù lao năm 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2019:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	89.107.200
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	74.880.000
3	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	74.880.000
4	Hà Văn Chuyên	Thành viên HĐQT	74.880.000
5	Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	74.880.000
6	Hoàng Thị Thúy	Ủy viên BKS	67.766.400
7	Phạm Đình Tuấn	Ủy viên BKS (Từ 5/4/2019)	50.824.800
8	Lê Hồng Cẩm	Ủy viên BKS (Đến 5/4/2019)	16.941.600
	Tổng cộng		524.160.000

2. Phương án chi trả phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2020 (đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của VCQL) và dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH (đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	3.620.000	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020



Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2020
của Công ty cổ phần xi măng La Hiến VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng La Hiến VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2020 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Ghi chú
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	730.000	
2	Doanh thu	1000 đ	642.858.190	
3	Nộp NS nhà nước	1000 đ	31.780.000	
4	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	36.500.000	
5	Trả lãi cổ tức	%	15	
6	Lao động bình quân	Người	570	
7	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	10.670.000	

2. Kế hoạch ĐTXD năm 2020:

Stt	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất			13.300
	Thiết bị phân tích chất lượng clinker	Cái	1	4.300
	Máy nén khí 160Kw	Cái	2	3.300
	Xe ca chở công nhân	Xe	2	5.700
2	Kho chứa nguyên liệu xi, thạch cao	M ²	1.800	4.200
3	Cải tạo nâng cấp kho chứa than LQ1	M ²	1.500	5.000
4	Hệ thống xếp bao tự động	HT	1	8.000
5	Hệ thống nạp vỏ bao tự động	HT	1	4.000
6	Hệ thống cung cấp nước CN tuần hoàn	HT	1	4.300
	Tổng cộng			38.800

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020



Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của
Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC về việc ban hành Quy chế lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Luật Kiểm toán độc số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng La Tiên VVMI;

Ban kiểm soát công ty cổ phần xi măng La tiên VVMI trình Đại hội về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020 như sau:

Năm 2020 để thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, nhằm đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng của Ban giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính.

Đại hội đồng cổ đông sẽ lựa chọn 01 công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty. Nhưng do đặc thù hoạt động của Công ty, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và uỷ quyền cho HĐQT, BKS Công ty lựa chọn thuê 01 công ty kiểm toán độc lập và có đủ năng lực theo quy định pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 trên cơ sở Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

**T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thu Hoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020

Dự thảo



TỜ TRÌNH

Về việc tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 60/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ngày 05/4/2019;

Nhằm quyết định mức độ thành công trong việc mở rộng quy mô hoạt động, tăng mức độ an toàn và đứng vững trước những biến động về thị trường của Công ty. Giúp Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững và tiếp tục củng cố nội lực tạo ra nhân tố đột phá đưa tốc độ tăng trưởng lên cao trong giai đoạn tiếp theo. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn Điều lệ.

(Có phương án tăng vốn Điều lệ chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP;
- Đăng tải Website Cty.


Đỗ Huy Hùng



DƯ THẢO

**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ
TỪ CHI CỔ TỨC BẰNG CỔ PHẦN**

- ❖ Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- ❖ Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- ❖ Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng La Tiên VVMV ngày 05/04/2019;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần xi măng La Tiên VVMV kính Đại hội đồng cổ đông Phương án tăng vốn điều lệ từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phần cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU PHÁT HÀNH

1. Vốn điều lệ là một trong những tiêu chí quan trọng quyết định mức độ an toàn trong hoạt động của Công ty cũng như khả năng phát triển của Công ty trong tương lai. Do đó, việc tăng vốn điều lệ sẽ quyết định mức độ thành công trong việc mở rộng quy mô hoạt động và làm tăng mức độ an toàn của Công ty, giúp Công ty đứng vững trước những biến động của thị trường.

2. Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững và tiếp tục củng cố nội lực tạo ra nhân tố đột phá nhằm đưa tốc độ tăng trưởng lên cao trong giai đoạn các năm tiếp theo, Công ty cần thiết phải tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính của mình.

3. Các công ty cùng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh đều có quy mô vốn khá lớn, do vậy Công ty phải thực hiện tăng vốn để đảm bảo nguồn lực cho sự cạnh tranh, phát triển. Mức vốn điều lệ cao sẽ mang lại một số lợi thế cho Công ty bởi quy mô và hình ảnh của Công ty đối với các đối tác, khách hàng và năng lực tài chính đủ mạnh để đầu tư lớn nhằm nắm bắt xu hướng phát triển trong tương lai.

4. Việc tăng vốn sẽ giúp Công ty có đủ nguồn lực tài chính mở rộng hoạt động lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư các máy móc thiết bị có tính chiến lược ổn định lâu dài, tạo đà cho Công ty phát triển bền vững.

5. Tăng vốn điều lệ cũng nhằm đảm bảo một cấu trúc tài chính lành mạnh giảm thiểu sự rủi ro về tài chính cho Công ty.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về phương án phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần XI MĂNG La Hiên VVMI
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ/01 cổ phần (mười nghìn đồng/một cổ phần)
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần)
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm: 2.000.000 cổ phần (Hai triệu cổ phần)
- Số lượng cổ phần sau đợt phát hành: 12.000.000 cổ phần (Mười hai triệu cổ phần)
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

2. Chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Tên cổ phiếu: : Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng La Hiên
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Hình thức phát hành : Chia cổ tức bằng cổ phiếu
- Nguồn vốn phát hành : Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2019
- Tổng số cổ phiếu đã : 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần)
phát hành
- Số lượng cổ phiếu đang : 10.000.000 cổ phần (Mười triệu cổ phần)
lưu hành
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự : 2.000.000 cổ phần (Hai triệu cổ phần)
kiến phát hành:
- Giá trị phát hành theo : Tổng số 20.000.000.000 đồng
mệnh giá
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
- Tỷ lệ thực hiện : Tỷ lệ 5:1 (Cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phần thì sẽ được nhận thêm 01 cổ phần mới - tương ứng 20%)
- Nguyên tắc làm tròn : Số cổ phần chia cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ : Số cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ hàng

thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. VD: Cổ đông A sở hữu 123 CP sẽ được chia thưởng $123CP \times 20\% = 24,6 CP$. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận 24 cổ phiếu, còn 0,6 cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ;

- Quyền nhận cổ tức bằng cổ phần không được phép chuyển nhượng, cổ tức bằng cổ phần không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phần từ đợt phát hành này.

- Giá trị chênh lệch dương giữa tổng số tiền dự kiến dùng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) so với tổng mệnh giá số cổ phiếu thực tế phân phối cho các cổ đông hiện hữu sẽ được giữ lại tại nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

- Mức độ pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần, EPS của Công ty trước và sau thời điểm phát hành dự kiến như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Cách tính	Giá trị
1	Số cổ phần trước khi phát hành	CP		10.000.000
2	Số cổ phần phát hành thêm	CP		2.000.000
3	Số cổ phần sau khi phát hành	CP		12.000.000
4	Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2020 dự kiến	Đồng		29.200.000.000
5	EPS trước khi phát hành	Đ/CP	$5(=(4)/(1))$	2.920
6	EPS sau khi phát hành	Đ/CP	$5(=(4)/(3))$	2.433

Như vậy, việc tăng vốn sẽ khiến thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty giảm 16,66%. Tuy nhiên, sự sụt giảm này chỉ mang tính nhất thời ngay tại thời điểm trước và sau phát hành. Với việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đợt phát hành, dự kiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững, đưa EPS trở về mức trước khi phát hành và cao hơn nữa.

3. Thời gian phát hành dự kiến:

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và dự kiến thời gian phát hành trong quý II – III năm 2020.

4. Đăng ký và niêm yết bổ sung:

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký bổ sung lại tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5. Điều chỉnh Điều lệ và giấy phép hoạt động của Công ty:

- Theo mức vốn mới sau khi chia cổ phiếu, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và công bố trên Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn).

- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành nêu trên với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6. Phương án sử dụng vốn:

Vốn điều lệ tăng sau khi phát hành sẽ được sử dụng làm nguồn vốn đối ứng cho việc thực hiện đầu tư các dự án và phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Triển khai đợt phát hành, lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông đảm bảo lợi ích cho cổ đông và phù hợp quy định của Pháp luật;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến việc triển khai và hoàn tất phương án phát hành theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành, bao gồm việc phê duyệt hồ sơ liên quan đến đợt phát hành nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu đã phát hành tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành;

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành;

- Triển khai các công việc và thủ tục phát lý cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành đợt phát hành;

- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án phát hành đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Trên đây là phương án tăng vốn điều lệ, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Đỗ Huy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày.....tháng 4 năm 2020



Dự thảo

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 05/04/2019;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ để phù hợp các văn bản pháp luật hiện hành.

(Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP.
- Đăng tải Website Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đỗ Huy Hùng



CÁC NỘI DUNG ĐIỀU LỆ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Đính kèm cùng tờ trình số/TTr-ĐHĐCĐ.2020 ngày/04/2020)

S TT	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ: a) Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Một trăm tỷ đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 1. Vốn điều lệ: a) Vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VNĐ (bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.	Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận việc tăng vốn điều lệ và được Cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Số:...../TTr-ĐHĐCĐ.2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020



TỜ TRÌNH

Về việc thông qua hợp đồng mua bán với người liên quan công ty

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Để chủ động trong việc mua sắm nhiên liệu phục vụ sản xuất của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) như sau:

1. Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Giao cho Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI quyết định ký kết hợp đồng với người liên quan của công ty để phục vụ SXKD trong năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu HĐQT, VP;
- Đăng tải Website Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Huy Hùng

Số:...../NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2020

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI.

Căn cứ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xi măng La Tiên VVMI ngày 10 tháng 04 năm 2020 dưới sự chủ toạ của Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch hội đồng quản trị công ty.

Tham dự đại hội có vị cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho cổ phần, bằng % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, đại hội đã tập trung giải quyết từng nội dung trọng chương trình nghị sự và thống nhất quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI nhất trí thông qua:

1- Báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1- Kết quả kinh doanh năm 2020:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQĐHĐCĐ	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	720.000	743.515	103,26
	<i>Xi măng</i>	"	695.000	712.363	
	<i>Clanhke thương phẩm</i>	"	25.000	31.152	
2	Doanh thu	1000 đ	632.995.780	695.201.980	109,83
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1000 đ	35.000.000	47.971.630	137,06
4	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	%	12	40	333,33
5	Nộp ngân sách nhà nước	1.000 đ	32.184.000	42.438.950	131,86
6	Lao động định mức	người	600	599	99,83
7	Tiền lương bình quân	đ/ng/tháng	9.916.667	11.083.162	111,76

1.2 Phương hướng kế hoạch SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	730.000
2	Doanh thu	1.000 đ	642.858.190
3	Nộp NS nhà nước	1.000 đ	31.780.000
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	36.500.000
5	Trả lãi cổ tức	%	15
6	Lao động bình quân	Người	570
7	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	10.670.000

- Giao cho HĐQT Công ty chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch được giao.

* Dự án đầu tư thực hiện trong năm 2020 bao gồm:

ST T	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Thành tiền (Tr.đ)
1	Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất			13.300
-	<i>Thiết bị phân tích chất lượng Clinker</i>	<i>Cái</i>	<i>01</i>	<i>4.300</i>
-	<i>Máy nén khí 160KW</i>	<i>Cái</i>	<i>02</i>	<i>3.300</i>
-	<i>Xe ca đưa đón công nhân</i>	<i>Cái</i>	<i>02</i>	<i>5.700</i>
2	Kho chứa nguyên vật liệu xi, thạch cao	m ²	1.800	4.200
3	Cải tạo nâng cấp kho chứa than lò quay 1	m ²	1.500	5.000
4	Hệ thống nạp vỏ bao tự động	Cái	01	4.000
5	Hệ thống xếp bao tự động	Cái	01	8.000
6	Hệ thống cung cấp nước công nghiệp tuần hoàn	HT	01	4.300
	Tổng cộng			38.800

2- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020.

3- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2019 phương hướng hoạt động năm 2020.

3- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2019 theo biểu sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng		47.971.632.306
2	Các khoản chi phí không được trừ	Đồng		444.400.000
3	Lợi nhuận trước tính thuế TNDN	Đồng	3 = 1+2	48.416.032.306
4	Thuế TN doanh nghiệp phải nộp	Đồng	4 = 3*20%	9.683.206.481

STT	Nội dung	ĐVT	Tỷ lệ (%)	Số tiền
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5 = 1-4	38.288.425.845
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	Đồng		11.882.812.681
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng		50.171.238.526
9	Chi trả cổ tức	Đồng	40%	40.000.000.000
	Trong đó:			
	+ Cổ tức bằng cổ phiếu / VDL		20%	20.000.000.000
	+ Cổ tức bằng tiền /VDL		20%	20.000.000.000
10	Lợi nhuận còn lại	Đồng		10.171.238.526
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đồng		7.703.801.234
11.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động (=1,3 tháng lương bq thực hiện) <i>Trong đó:</i>	Đồng		7.384.625.234
	- Quỹ khen thưởng (=11.1 x 40%)	Đồng		2.953.850.094
	- Quỹ Phúc lợi (=11.1 x 60%)	Đồng		4.430.775.140
11.2	Quỹ khen thưởng ban quản lý	Đồng		319.176.000
12	Lợi nhuận chưa phân phối (= 10-11)	Đồng		2.467.437.292

4- Quyết toán việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019; Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2020.

+ Thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện năm 2019:

ĐVT: đồng

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT	89.107.200
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	74.880.000
3	Lê Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	74.880.000
4	Hà Văn Chuyển	Thành viên HĐQT	74.880.000
5	Trịnh Quốc Bình	Thành viên HĐQT	74.880.000
6	Hoàng Thị Thúy	Ủy viên BKS	67.766.400
7	Phạm Đình Tuấn	Ủy viên BKS (Từ 5/4/2019)	50.824.800
8	Lê Hồng Cẩm	Ủy viên BKS (Đến 5/4/2019)	16.941.600
	Tổng cộng		524.160.000

+ Phương án chi trả phụ cấp cho HĐQT, BKS năm 2020 (đây là mức tối thiểu, trong năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các VCQL được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của VCQL) và dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH (đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	4.760.000	
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	
3	Ủy viên BKS	2	3.620.000	

5- Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán.

6- Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho HĐQT, BKS Công ty lựa chọn thuê 01 công ty kiểm toán độc lập và có đủ năng lực theo quy định pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trên cơ sở Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán của Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

7- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

8- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ được thực hiện và đăng tải trên Website: www.ximanglahien.com.vn sau khi Công ty hoàn thiện xong thủ tục tăng vốn Điều lệ với cơ quan quản lý Nhà nước.

9- Thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp).

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- UBCKNN (thay B/cáo);
- Cty CP CK QT Việt Nam (02b)
- Công bố TT trên Website Cty;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Giám đốc Công ty;
- Cổ đông của Cty;
- Lưu: VP, HĐQT;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Đỗ Huy Hùng